

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/07/2024

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Kim Phượng

2. Bà Phạm Thị Ngọc Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 06 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1977; Nơi cư trú: số nhà 60, đường Đ, phố 3, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1974; Nơi cư trú: số nhà 60, đường Đ, phố 3, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: vắng mặt chị Quý, anh Đức.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Vũ Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn; đăng ký kết hôn vào ngày 10/05/2013 tại UBND phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại phường Đ, thành phố N được một thời gian, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Anh Đ là người sống buông thả, không có trách nhiệm với gia đình, không đóng góp tiền lương để chi phí sinh hoạt, nuôi con. Thường xuyên đi chơi qua đêm không biết đi đâu, khi

về còn mặt sát đánh đập vợ con. Tôi đã rất nhiều lần khuyên nhủ, tổ dân phố đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay tuy cùng sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Phạm Quốc H, sinh ngày 23/03/2014. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu H. Anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo phương thức định kỳ hàng tháng là 2.000.000 đồng, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Đ không đến làm việc và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N có quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc quyết định hoãn phiên tòa đúng với quy định tại điều 227, 233 BLTTDS;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không đến Tòa án làm việc là không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng Điều 56; 81; 82; 83; 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147, điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Q.

Về hôn nhân: cho chị Vũ Thị Q được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: giao cho chị Vũ Thị Q trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc H sinh ngày 23/3/2014 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 tháng. Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, khi cần các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí ly hôn: chị Vũ Thị Q phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000210 ngày 22/02/2024. Anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn anh Đ cư trú tại thành phố N, tỉnh Ninh Bình; do đó, Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: chị Q là nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đ là bị đơn mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: chị Vũ Thị Q và anh Phạm Văn Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/05/2013 tại UBND phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện:

+ Về quan hệ hôn nhân: theo trình bày của nguyên đơn sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Q trình bày là do anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi chơi qua đêm, khi về còn đe dọa giết vợ con. Quá trình giải quyết vụ án chị Q xác định không còn tình cảm với anh Đ và xin ly hôn, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q, chứng tỏ anh Đ cũng không có ý thức hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Q. Vợ chồng chị Q sống ly thân từ năm 2016, không yêu thương quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện quá trình vợ chồng chị Q, anh Đ chung sống có xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, xô sát. Anh Đ thường xuyên vắng nhà, vợ chồng sống không quan tâm đến nhau.

Như vậy, có thể khẳng định tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị Q với anh Đ và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: chị Q và anh Đ có 01 con chung là cháu Phạm Quốc H, sinh ngày 23/03/2014 hiện đang do chị Q trực tiếp chăm sóc. Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Xét thấy, cháu H trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ, hiện cháu còn nhỏ cần được mẹ chăm sóc. Quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh Đ không có ý kiến gì về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện cho cháu, chị Q

cũng đủ điều kiện nuôi dưỡng nên cần giao cháu H cho chị Q chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: theo quy định tại Điều 82, Điều 110 của Luật hôn nhân gia đình, nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, chị Q yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Sau khi ly hôn anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, khi cần chị Q và anh Đ có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

+ Về tài sản, công nợ chung: chị Q không yêu cầu giải quyết, quá trình Tòa án giải quyết anh Đ không có ý kiến gì về tài sản, công nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: chị Vũ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định. Anh Phạm Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 56; 81; 82; 83; 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Q đối với anh Phạm Văn Đ

- Về hôn nhân: cho chị Vũ Thị Q ly hôn anh Phạm Văn Đ (quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh Đ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: giao chị Vũ Thị Q được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc H, sinh ngày 23/03/2014. Anh Phạm Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 08/2024 đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị Q trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

- Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000210 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: chị Quý, anh Đức có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường B, TP. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

